

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2018/HSST

Ngày: 31/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quốc Đâu và bà Phạm Thị Tô Tâm
- *Thư ký phiên toà:* ông Đặng Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện VKSND thành phố Vinh tham gia phiên toà:* bà Nguyễn Thị Bích Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018; tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 271/2018/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 563/2018/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Viết D**; tên gọi khác: không; sinh năm 1973; nơi cư trú: xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Viết Đ, sinh năm: 1949 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1952; anh chị em ruột có 5 người, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (đã ly hôn), có 1 con sinh năm 2002; tiền sự, tiền án: không; Nhân thân: không.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Nghệ An từ ngày 08/11/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

Những người được triệu tập đến tham gia phiên toà:

Người bị hại: 1. Anh Ngô Trí V, sinh năm 1985, trú tại: xóm D, xã E, huyện G, tỉnh Nghệ An, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1. bà Lê Thị Hồng N, sinh năm: 1972, trú tại: xóm H, xã I, thành phố V, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6 năm 2014, Lê Viết D đến nhà chị Lê Thị Hồng N ở xóm D (còn gọi là xóm H), xã I, thành phố V, tỉnh Nghệ An chơi, thì gặp anh Ngô Trí V. Qua nói chuyện biết anh V đang có nhu cầu đi lao động ở Úc (Australia), D nói với anh V mình có người quen làm phó Giám đốc Công ty X ở thành phố Hà Nội, hiện đang có một suất đi Úc, nếu anh V có nhu cầu thì D sẽ giúp, chi phí hết 18.400 AUD (đô la Úc), nộp trước cho D 4000 AUD để đặt cọc, số tiền còn lại chuyển cho D sau khi anh V lấy được Visa (thị thực nhập cảnh). Tin tưởng lời nói của D là thật, nên anh V đồng ý nhờ D giúp và nhờ chị N chuyển số tiền 4.000 USD (đô la Mỹ) cho D để đặt cọc làm thủ tục hồ sơ và lấy Visa cho anh V. Sau khi nhận tiền, D hứa hẹn khoảng 3 đến 6 tháng kể từ ngày nhận tiền là có Visa, nếu không sẽ hoàn trả lại tiền cho anh V. Sau khi nhận 4.000 USD của anh V, D không làm bất cứ việc gì liên quan đến việc đưa anh V sang Australia, mà sử dụng số tiền đó vào việc cá nhân của mình. Đến khoảng cuối tháng 4/2015, D tiếp tục hẹn chị N đến quán cà phê số 70, đường K, thành phố V uống cà phê. Tại đây, D lừa chị N là D đã làm được Visa cho anh V rồi nhờ chị N nói với anh V chuẩn bị số tiền còn lại để đi ra Đại sứ quán Úc ở Hà Nội nộp tiền lấy Visa, nếu quá 24 giờ mà không nộp tiền thì họ không chuyển Visa về, với mục đích để chiếm đoạt tiền của anh V. Tin lời nói của D, chị N điện thoại thông báo cho anh V là đã có Visa như D nói với chị N. Anh V tưởng thật, nên đã vay mượn của anh em, bạn bè được số tiền 14.400 UAD (đô la Úc) để cùng D đi ra Hà Nội lấy Visa. Khi đến Hà Nội, anh V thuê khách sạn ở cùng D và chị N để chờ lấy Visa. Tại đây, D khẳng định đã làm được Visa cho anh V, nhằm mục đích để anh V giao tiền cho D. Tin tưởng D đã làm được Visa cho mình, nên anh V đã giao tiếp cho D số tiền 14.400 UAD. Nhận tiền xong, D gọi taxi đến chở D và anh V đi lấy visa. Trên đường đi, D nói lái xe Taxi đi lòng vòng ở đường thành phố Hà Nội, để tạo lòng tin cho anh V. Sau đó, D đưa anh V vào một quán cà phê, nói anh V ngồi đây chờ D đi nộp tiền. Khi anh V yêu cầu được đi cùng thì D nói để D đi một mình. D đi khoảng 15 phút sau quay lại, nói với anh V đã nộp tiền rồi, nhưng do Visa về muộn nên phải chờ thêm. Anh V có hỏi D về biên lai nộp tiền, thì D nói vì là chỗ quen biết nên không lấy biên lai. Lúc này, chị N ở khách sạn ngồi chờ, không thấy D và anh V quay lại nên gọi điện cho D hỏi đã lấy được Visa cho V chưa, thì D nói chưa có và nói họ hẹn 1 tháng sau mới có. Lúc này, chị N biết đã bị D lừa, nên yêu cầu D trả lại tiền cho anh V, nhưng D không chấp nhận và nói việc này không liên quan đến chị N, nên không được can thiệp vào. Sau khi chiếm đoạt được tiền của anh V, D đã chi tiêu vào việc cá nhân của mình hết.

Ngày 10/10/2015, anh Ngô Trí V đến nhà D yêu cầu trả lại toàn bộ số tiền trên, thì D hẹn đến tháng 6/2017 sẽ trả đầy đủ. Nhưng đến nay D mới trả cho anh V số tiền 85.000.000 đồng, số tiền còn lại D không có khả năng thanh toán.

Ngày 29/10/2017, anh Ngô Trí V gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vinh tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Lê Viết D.

Bản kết luận giám định chữ viết số 03/KL-PC54(GĐTL) ngày 16/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Chữ ký, chữ viết “Lê Viết D” trên “Giấy nhận tiền” đề ngày 10/10/2014 ký tên Lê Viết D ký hiệu A1, chữ ký, chữ viết “Lê Viết D” trên “Giấy hẹn trả tiền” đề ngày 24/3/2016 ký hiệu A2, chữ ký, chữ viết “Lê Anh D” đề ngày 10/10/2014 ký tên Lê Anh D ký hiệu A3 với chữ ký của Lê Viết D trên các mẫu so sánh gồm: “Bản thanh lý hợp đồng lao động” đề ngày 18/8/2007 ký hiệu M1, “Đơn đề nghị cấp CMND” đề ngày 28/4/2017 ký hiệu M2, “Đơn xin đầu thú” ngày 8/11/2017 ký hiệu M3, “Bản tự khai” ngày 2/11/2017 ký hiệu M4, “Bản tự khai” ngày 8/11/2017 ký hiệu M5, “Biên bản ghi lời khai” ngày 8/11/2017 ký hiệu M6 là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 08/11/2017, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và biết Cơ quan Công an đang tiến hành điều tra, nên Lê Viết D đã đến Công an thành phố Vinh xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. (BL 20 đến 23; BL 66 đến 84)

Tại bản kết luận định giá tài sản số 88/KLĐG ngày 26/03/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố V kết luận:

- Tỷ giá trung tâm USD (đô la Mỹ) vào tháng 6/2014 là: 21.036 VND/1USD. Như vậy: $4000 \text{ USD} \times 21.036 \text{ VND} = 84.144.000 \text{ đồng}$.

- Tỷ giá trung tâm AUD (đô la Úc) vào tháng 4/2015 là: 16.411.08 VND/1AUD. Như vậy: $14.400 \text{ AUD} \times 16.411.08 \text{ VND} = 236.319.552 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền mà Lê Viết D chiếm đoạt của anh Ngô Trí V là 320.463.552 đồng.

Vật chứng vụ án: hai giấy nhận tiền đề ngày 10/10/2014; một giấy hẹn trả tiền đề ngày 24/3/2016.

Về dân sự: Bị cáo đã trả được 85.000.000đ, hiện anh V yêu cầu D bồi thường số tiền còn thiếu 235.463.552 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 299/CT-VKS ngày 26/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân TP Vinh truy tố bị cáo Lê Viết D về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 điều 139 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Viết D từ 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 8 (tám) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 608 Bộ luật dân sự năm 2005; điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, xử: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Ngô Trí V số tiền còn thiếu là 235.463.552 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết và không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bị hại nhất trí với quan điểm trên của Viện kiểm sát mà không tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, lời khai bị cáo, lời khai người bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Viết D khai nhận như sau: Từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 4 năm 2015, Lê Viết D đã hứa hẹn làm Visa cho anh V xuất cảnh sang Úc làm việc để chiếm đoạt của anh V số tiền 4000 USD và 14.400 AUD.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở để khẳng định: Mặc dù không có chức năng tuyển dụng đưa người đi lao động làm việc ở nước ngoài, nhưng vào khoảng tháng 6 năm 2014 đến tháng 4 năm 2015, bằng thủ đoạn gian dối, hứa hẹn làm Visa cho anh Ngô Trí V xuất cảnh sang Úc làm việc để chiếm đoạt của anh V số tiền 4000 USD tương đương với 84.144.000 đồng Việt Nam và 14.400 AUD tương đương với 236.319.552 đồng Việt Nam, tổng cộng là 320.463.552 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 điều 139 Bộ luật hình sự. (Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực nên

cần áp dụng quy định tại khoản 3 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 xét xử để có lợi hơn cho bị cáo).

[2.2]. Vụ án thuộc loại rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Vinh nói riêng và an toàn xã hội nói chung. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm. Cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có điều kiện được học tập, lao động, cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải. Đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhưng mức án đối với bị cáo cần nghiêm khắc hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa hôm nay mới đủ răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo D đã chiếm đoạt của anh V số tiền là 4000 USD và 14.400 AUD, tính ra tiền Việt Nam, tổng cộng là 320.463.552 đồng, bị cáo đã bồi thường được 85.000.000 đồng, anh V yêu cầu bồi thường số tiền còn thiếu là 235.463.552 đồng. Xét thấy yêu cầu của anh V là chính đáng và hợp lý, cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho anh V.

[2.4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. *Tuyên bố*: Bị cáo Lê Viết D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 3 điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt:

- Bị cáo Lê Viết D 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 08/11/2017.

[2]. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng điều 608 Bộ luật dân sự năm 2005; điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, xử: Buộc bị cáo Lê Viết D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Ngô Trí V số tiền 235.463.552 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi hai) đồng.

[3]. *Về án phí*: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí Tòa án: Buộc bị cáo

phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 11.773.000đ (mười một triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người bị hại làm đơn yêu cầu thi hành án dân sự, nếu bị cáo không thi hành số tiền bồi thường trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu được thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án/.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKS ND TP Vinh;
- VKS ND tỉnh Nghệ An;
- Công an TP Vinh;
- Chi cục THA TP V;
- Trại TG công an Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Người bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

